

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc vì sự phát triển bền vững

Thực hiện Công văn số 982/UBND-KTTH ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh về việc báo cáo “Việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc vì sự phát triển bền vững”; theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 339/SKHĐT-TH ngày 29/02/2024 về việc báo cáo “Việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc vì sự phát triển bền vững” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện với các nội dung sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

- Tăng trưởng kinh tế, thương mại và đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Biến đổi khí hậu diễn biến nhanh hơn dự báo và tác động sâu rộng đến kinh tế của một số quốc gia, châu lục. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nghèo đói, gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Kông, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển nông nghiệp bền vững.

2. Bối cảnh trong nước

Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn; có chính sách hỗ trợ phát triển, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Giai đoạn 2010-2020, kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng, đặc biệt giai đoạn 2015-2020¹. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh nhiều nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại. Dự báo giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp trong GDP cả nước sẽ giảm dần và còn dưới 10% nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Nông nghiệp vẫn tạo việc làm và thu nhập cho gần 40% lao động và khoảng 60% dân số cả nước, góp phần quan trọng đảm bảo vững chắc an ninh

¹ Năm 2017, tăng trưởng GDP 6,81%, năm 2018 là 7,08% và năm 2019 là 7,1%, năm 2020 là 2,91%

lương thực quốc gia, bảo đảm tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế, ổn định chính trị-xã hội đất nước.

3. Bối cảnh của tỉnh

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ, có những điều kiện thuận lợi và khó khăn nhất định trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Với điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng, đất đai, Quảng Ngãi chia thành các khu vực để phát triển nông nghiệp: Vùng đồng bằng phát triển vùng sản xuất lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ; phát triển rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả; phát triển chăn nuôi áp dụng công nghệ cao, tập trung vào các đối tượng nuôi chủ lực là lợn, gia cầm, bò; đầu tư trọng điểm xây dựng một số cơ sở sản xuất, kinh doanh giống có chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Khu vực miền núi trọng tâm là phát triển lâm nghiệp. Vùng ven biển, hải đảo lấy ngành thủy sản làm chính

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Việc tổ chức thực hiện

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2023², Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050³.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững

2.1. Kết quả đạt được

Qua rà soát các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 312/QĐ/UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện từng mục tiêu cụ thể như sau:

2.1.1. Mục tiêu 1.4a: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Quyết định: Số 191/QĐ-UBND ngày 24/11/2010, số 101/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ dân sinh, hỗ trợ sản xuất và cơ chế khắc phục các công trình hạ tầng kinh tế, xã hội bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Về tham mưu ban hành chính sách và thực hiện các chính sách: Trình UBND tỉnh ban hành **03** chính sách, gồm (1) Quy định về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền quản lý của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁴; (2) Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; di tích lịch sử, điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và công trình hạ tầng kỹ

² Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 28/02/2022

³ Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12/5/2022

⁴ Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh

thuật khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi⁵; (3) Quy định về nội dung chi, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh⁶.

- Về lồng ghép yếu tố nghèo trong chính sách về ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, các chính sách liên quan khác: Các yếu tố dễ bị tổn thương (bao gồm yếu tố nghèo) được lồng ghép đầy đủ trong các Kế hoạch liên quan về phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện dự án “Tăng cường năng lực chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dân cư ven biển tại Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) tài trợ: Đã hoàn thành 03 hợp phần của dự án; cụ thể:

+ Hợp phần 1: Xây nhà an toàn phòng tránh bão, lụt: Cùng phối hợp với các địa phương: Huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Thị xã Đức Phổ và Thành phố Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2021: đã hoàn thành 683 căn nhà/683 hộ gia đình/khoảng 3.415 người được hưởng lợi và đang triển khai 200 căn, với khoảng 1.200 người được hưởng lợi, dự kiến hoàn thành đến 30/6/2024. Đạt 100% kế hoạch.

+ Hợp phần 2: Thực hiện trồng rừng, phục hồi rừng Dự án GCF đến 2023 tại Bàu Cá cái xã Bình Thuận huyện Bình Sơn là 73 ha. Các hoạt động hỗ trợ hợp phần 2: (1) Tổ chức hội nghị/ tập huấn kỹ thuật nuôi dưỡng rừng, quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; các cuộc họp, tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng ... cho HP2; (2) Tổ chức các hoạt động truyền thông theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt; (3) Hoạt động hỗ trợ sinh kế: 01 Mô hình nuôi Vịt biển đại xuyên tại xã Bình Thuận Bình Sơn tham gia trồng rừng (*giảm 03 mô hình*); (4) Xây dựng bảng tin tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng: 01 bảng (*giảm 01 bảng*); (5) Các hoạt động giám sát Carbon, đánh giá môi trường trồng rừng, ...; (6) Nghiên cứu tính khả thi về du lịch sinh thái tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn; tập huấn kỹ năng, nâng cao năng lực cho cộng đồng thực hiện du lịch sinh thái và tham quan học tập kinh nghiệm thực hiện du lịch sinh thái tại Cù Lao Chàm.

+ Hợp phần 3: Thông tin và dữ liệu rủi ro thiên tai: Phối hợp với Tổng cục Phòng chống thiên tai tổ chức Hội thảo Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) và tổ chức 71 lớp tập huấn về CBDRM tại địa phương xã ven biển và cận ven biển. Đạt 100% Kế hoạch. Hiện nay, Dự án GCF được triển khai giai đoạn gia hạn đến tháng 6/2024 và hỗ trợ thêm cho 200 căn tại các huyện ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, thời gian phê duyệt Văn kiện điều chỉnh và Kế hoạch ngày 28/2/2024 nên khó khăn về tiến độ và đối tượng đa số là hộ nghèo, neo đơn... nên cần thời gian chuẩn bị.

2.1.2. Mục tiêu 2.1.b: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả mọi người, đặc biệt những người nghèo và những người dễ bị tổn thương, bao gồm cả người cao tuổi và trẻ sơ sinh, được tiếp cận với thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy

⁵ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh

⁶ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh

đủ quanh năm.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực phẩm có nguồn gốc từ động vật nhằm bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng cơ thể và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho mọi đối tượng nhân dân.

- Phát hành 39.200 tờ rơi tuyên truyền về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; treo 152 băng-rôn tuyên truyền về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ và các hộ dân sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản các nội dung liên quan đến an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

2.1.3. Mục tiêu 2.3: Đến năm 2030, tăng gấp khoảng 1,5 lần năng suất lao động trong nông nghiệp và thu nhập của lao động nông nghiệp.

- Trong trồng trọt: Thực hiện cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây ăn quả, rau; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường.

- Trong chăn nuôi: Tập trung phát triển một số giống bò, heo có năng suất và chất lượng; thực hiện các dự án phát triển và nâng cao tầm vóc đàn bò, đàn trâu; tăng tỉ lệ bò lai đến nay đạt được 78,5%. Sản lượng thịt hơi các loại trên 90 ngàn tấn. Đặc biệt, hiện nay đang phát triển mô hình chăn nuôi kết hợp với du lịch sinh thái cho hiệu quả kinh tế cao.

- Trong thủy sản, chú trọng công tác chuyển đổi con giống trong quá trình phát triển của ngành, chú trọng lựa chọn sản xuất và cung ứng đủ giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, đồng thời tuyên truyền, khuyến khích người nuôi đưa những con giống có giá trị kinh tế, phù hợp về địa phương để thả nuôi như cá thát lát, hàu Thái Bình Dương, cá bóp, cá vược,...Việc chủ động sản xuất giống các loại cá truyền thống chất lượng cao giúp cho người nuôi chủ động được con giống như cá: mè, trắm, chép,...hay sản xuất các giống thủy sản mới có hiệu quả kinh tế như: ốc hương, tôm sú, cua xanh, ...để cung ứng cho người nuôi tôm trong và ngoài tỉnh.

- Trong lâm nghiệp: Công tác quản lý nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp, gắn với nâng cao chất lượng, năng suất rừng trồng, tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch hệ thống rừng giống và vườn ươm giống cây lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030⁷; phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán dự án điều tra, xây dựng, bảo tồn và phát triển nguồn giống cây bản địa⁸ (*dự án đã điều tra xây dựng và chuyển hóa được nguồn giống với 04 loài cây bản địa: 5,23 ha cây Lim Xanh; 2,17 ha cây Dầu rái; 2,85 ha cây Chò đen và 50 cây trội Sao đen*).

2.1.4. Mục tiêu 2.4: Đến năm 2030, bảo đảm sản xuất lương thực, thực

⁷ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

⁸ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh;

phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai.

Thời gian qua, công tác tuyên truyền tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu được triển khai thực hiện; nhiều giống cây trồng mới năng suất cao, chất lượng tốt được đưa vào sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân, cụ thể như: Đã triển khai tổ chức các tập huấn cho cán bộ phụ trách nông nghiệp cấp huyện quy trình kỹ thuật về quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), “1 phải, 5 giảm” trên các cây trồng chủ lực.

- Từ các nguồn Ngân sách tỉnh, nguồn hỗ trợ của Trung ương và của các tổ chức phi chính phủ, đến nay, đã lắp đặt 79 trạm đo mưa tự động chuyên dùng, 10 trạm đo mực nước tự động trên lưu vực các sông chính thuộc tỉnh và lưu vực các hồ chứa nước thủy lợi; 06 trạm cảnh báo ngập lụt tại các ngầm tràn và vùng thường xuyên bị ngập lụt và cập nhật, xây dựng, nâng cấp bản đồ ngập lụt vùng hạ lưu 4 sông Trà Bồng, Trà Khúc, Vệ, Trà Câu. Thông tin của các hệ thống được cung cấp miễn phí cho các cấp chính quyền và người dân góp phần chủ động hơn trong công tác theo dõi, ứng phó mưa, lũ.

- Về tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân: Từ năm 2018 - 2023, đã tổ chức 23 lớp tập huấn cho các các bộ tham mưu phòng, chống thiên tai các cấp tỉnh, huyện, xã và người dân. Đồng thời, để cung cấp thông tin diễn biến thiên tai kịp thời đến các cấp và cộng đồng, xây dựng 01 website (pctt.quangngai.gov.vn), 01 trang facebook (Thông tin Phòng chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi) và 03 Nhóm Zalo (Nhóm Ban Chỉ huy, Nhóm lãnh đạo các cấp và Nhóm chuyên viên) hoạt động thường xuyên, kịp thời, đạt hiệu quả.

2.1.5. Mục tiêu 2.5: Đến năm 2030, duy trì đa dạng di truyền của các giống cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh tiếp cận và chia sẻ công bằng, hợp lý những lợi ích từ việc sử dụng các nguồn gen và tri thức bản địa liên quan.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 10 cây Bưởi da xanh do do Trung tâm ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi bình tuyển tại xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành được công nhận cây đầu dòng.

- Theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia, quy hoạch đa dạng sinh học Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Quảng Ngãi có 20.302ha rừng đặc dụng; hiện, UBND tỉnh đã cho chủ trương thành lập dự án khu Dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ⁹ với diện tích 17.977,0ha; đến năm 2030 thành lập Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng 2.325,0ha.

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình thí điểm chia sẻ lợi ích thu được từ

⁹ Công văn số 849/UBND-KTN ngày 21/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh;

nguồn gen, chú trọng lợi ích của cộng đồng: đang triển khai thực hiện Quyết định số 2469/QĐ-BNN-KHCN ngày 03/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Dự án Khuyến nông Trung ương thực hiện giai đoạn từ năm 2021-2023 về xây dựng mô hình chăn nuôi lợn Kiềng Sắt thương phẩm phát huy lợi thế cạnh tranh; Quyết định 777/QĐ-BKHCN ngày 06/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN Quỹ gen cấp quốc gia thuộc Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2.1.6. Mục tiêu 6.1b: Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.

Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người; đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và nước sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả hộ dân trên địa bàn tỉnh. Đến nay, tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh 98%.

2.1.7 Mục tiêu 11.5: Đến năm 2030, giảm đáng kể số người chết và bị ảnh hưởng và giảm đáng kể thiệt hại kinh tế trực tiếp do thiên tai, thảm họa gây ra so với GDP, chú trọng bảo vệ người nghèo và người dễ bị tổn thương

- Về tăng cường quản lý nhà nước và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động phòng, chống thiên tai; đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng vùng thường xuyên bị thiên tai, nhất là các công trình chống lũ, vượt lũ: Tham mưu UBND tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch về phòng, chống thiên tai như: Thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh¹⁰; thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi¹¹; Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh¹²; thực hiện Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ¹³; thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030¹⁴; thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh¹⁵;

- Về nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; huy động các nguồn lực để nâng cao hiệu quả của hoạt động tìm kiếm, cứu nạn: Cùng với các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng và bản đồ ngập lụt vùng hạ du

¹⁰ 65/KH-UBND ngày 09/4/2021

¹¹ 100/KH-UBND ngày 12/7/2021

¹² 1968/QĐ-UBND ngày 13/12/2021

¹³ 124/KH-UBND ngày 26/8/2021

¹⁴ 158/KH-UBND ngày 12/11/2021

¹⁵ 133/KH-UBND ngày 04/7/2023

các sông và các hệ thống ứng dụng theo dõi thiên tai (như windy, VNDMS), Sở Nông nghiệp và PTNT đã kịp thời tham mưu Ban Chỉ huy, UBND tỉnh chỉ đạo các biện pháp ứng phó thiên tai kịp thời, hiệu quả, điển hình như ứng phó cơn bão số 9 năm 2020 (Molave) đã kịp thời tổ chức di dời, sơ tán người dân đảm bảo an toàn, không để trường hợp người dân nào bị chết do thiên tai trực tiếp gây ra.

- Từ năm 2018 - 2023, từ các nguồn hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức quốc tế hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện đúng và đầy đủ việc tham mưu UBND tỉnh bố trí cho các địa phương, đơn vị khắc phục thiệt hại (*nguồn hỗ trợ của Trung ương qua các năm gồm: năm 2018: 40 tỷ đồng, năm 2019: 50 tỷ đồng, năm 2020: 150 tỷ đồng, năm 2021: 160 tỷ đồng, năm 2022: 100 tỷ đồng, năm 2023: 150 tỷ đồng*).

- Từ năm 2022-2023, để kịp thời hỗ trợ cho bà con nông dân khắc phục những khó khăn, khôi phục sản xuất do thiên tai gây ra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm, xem xét hỗ trợ 746,3 tấn lúa giống nhằm khắc phục một phần hậu quả do mưa lớn gây ra.

2.1.8. Mục tiêu 11.9: Phát triển nông thôn bền vững, bảo đảm hài hòa các khía cạnh phát triển kinh tế, đô thị, môi trường; xây dựng kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân nông thôn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đa dạng hóa các hình thức sở hữu, sử dụng tài nguyên đất, mặt nước gắn với sản xuất kinh doanh nhằm tạo việc làm mới tại chỗ, nâng cao thu nhập và ổn định dân cư: Chủ động triển khai và ưu tiên lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện các chính sách đã được ban hành như Nghị định 210/2013/NĐ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn thay thế Nghị định 210/2013/NĐ-CP; Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Ban hành quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết 07/2020/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách khuyến khích Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Từ năm 2018 đến nay, tỉnh đã hỗ trợ gần 9 tỷ đồng cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi như: (1) Trang trại Chăn nuôi heo thịt sạch An Hội với số tiền 3,11 tỷ đồng; (2) Dự án Trang trại Chăn nuôi heo thịt theo hướng công nghiệp sạch Phú Hiệp với số tiền 3,00 tỷ đồng; (3) Dự án Trang trại Chăn nuôi heo kết hợp trồng cây lâm nghiệp của Công ty TNHH MTV sản xuất và dịch vụ Phát Lộc với số tiền 1,5 tỷ đồng; (4) Dự án Cơ sở chăn nuôi heo giống và heo thịt của Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Phú Sơn với số tiền 1,034 tỷ đồng. Đến nay các Doanh nghiệp chăn nuôi đã hỗ trợ được đều hoạt động hiệu quả, một số trang trại tiếp tục mở rộng công suất.

2.19. Mục tiêu 12.3.a: Đến năm 2030, giảm một nửa chất thải lương thực tính theo đầu người và giảm tổn thất lương thực trong chuỗi sản xuất và cung ứng, bao gồm cả những tổn thất sau thu hoạch.

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đã xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng bền vững 59 chuỗi sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn.

2.1.10. Mục tiêu 13.1.b: Tăng cường khả năng chống chịu và thích nghi với rủi ro liên quan tới biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai và các thảm họa tự nhiên khác.

- Về xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách: Nhằm đảm bảo việc phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn cho người dân, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thường xuyên tham mưu UBND tỉnh bố trí các nguồn kinh phí xây dựng các công trình trọng điểm như: đê Phổ Ninh, đê kè Hoà Hà, kè chống sạt lở bờ biển xã Bình Hải, kè Nghĩa An,... Đến nay, toàn tỉnh có 75.690,7 m đê sông, đê biển và đê cửa sông; 73.143,5 m kè bảo vệ bờ và 5.327,7m mỏ hàn. Ngoài ra, với 807 công trình thủy lợi (gồm 127 hồ chứa nước, 532 đập dâng, 08 đập ngăn mặn và 140 trạm bơm) được đưa vào quản lý, khai thác để cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác.

- Về triển khai rà soát, cập nhật, bổ sung Quy hoạch tổng thể thủy lợi tỉnh Quảng: Trong giai đoạn trước khi có quy hoạch tỉnh, đã tham mưu UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Bồng (đoạn từ Trà Bình đến cửa Sa Càn) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030¹⁶; Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Vệ (đoạn từ Hành Tín Tây đến Cửa Lở) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030¹⁷; Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Câu (đoạn từ hạ lưu tràn xả lũ hồ chứa nước Núi Ngang đến cửa Mỹ Á) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 22/11/2018*); Điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 định hướng đến năm 2030¹⁸. Hiện nay, các quy hoạch thủy lợi và phòng, chống thiên tai đã được đưa vào nội dung quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi.

2.1.11. Mục tiêu 13.3.c: Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực và thể chế trong cảnh báo sớm, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2016 - 2020. Truyền thông, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai; nâng cao năng lực ứng phó của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

2.1.12. Mục tiêu 14.2: Đến năm 2030, tăng cường quản lý và bảo vệ các hệ sinh thái, các khu bảo tồn biển, ven biển và hải đảo để tránh các tác động

¹⁶ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 22/11/2018

¹⁷ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 22/11/2018

¹⁸ Quyết định số 1647/QĐ-UBND ngày 30/11/2022

tiêu cực, tăng cường sức khỏe và khả năng chống chịu cho đại dương.

- Về nội dung: "*Triển khai thực hiện Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...*"

Trên cơ sở các Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Số 341/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 342/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; tỉnh Quảng Ngãi đã trồng, quản lý và bảo vệ tốt tổng cộng 13.801,38ha rừng ven biển trong quy hoạch lâm nghiệp¹⁹ (phòng hộ 2.244,57ha, sản xuất 7.135,14ha) gồm: rừng trồng 13.325,13ha (trong đó: rừng trồng ngập mặn 109,08ha, ngập nước ngọt 75,99ha); rừng tự nhiên 476,25ha. Diện tích rừng trồng ngập mặn mới giai đoạn 2017 - 2020 là 74,2355 ha. Toàn bộ diện tích rừng ven biển nêu trên hiện đang phát huy tốt vai trò phòng hộ ven biển của tỉnh.

- Thực hiện thỏa thuận với Tổ chức bảo tồn thiên nhiên Quốc tế, trong khuôn khổ dự án “Bảo vệ, bảo tồn bãi đẻ và môi trường sống của chúng dựa vào cộng đồng”. Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn thành lập đội Tình nguyện viên ban đầu với 5 thành viên. Đến nay, đã bổ sung, kiện toàn được 10 thành viên tham gia thực hiện theo dõi, giám sát và cứu hộ các loài rùa biển. Kết quả từ năm 2020 đến năm 2023, đội tình nguyện viên đã thực hiện 1440 đợt giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến rùa biển tại các bãi biển, cảng cá, chợ... Kết quả đã phát hiện 04 trường hợp rùa biển bị khai thác, đánh bắt, vướng lưới ma và được đội tình nguyện viên của Ban Quản lý cứu hộ và tái thả thành công về với tự nhiên.

- Hằng năm, Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn phối hợp với Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế tại Việt Nam thực hiện các nội dung Thỏa thuận trong khuôn khổ của dự án “Bảo tồn rùa biển, bãi đẻ và môi trường sống dựa vào cộng đồng”, Ban Quản lý đã tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn rùa biển tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn; tổ chức các buổi tập huấn tuyên truyền giáo dục pháp luật về bảo vệ, bảo tồn Rùa biển, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và giảm thiểu sử dụng đồ nhựa dùng một lần cho cộng đồng ngư dân và học sinh THCS trên địa bàn huyện Lý Sơn; tổ chức các hoạt động theo dõi, giám sát và cứu hộ rùa biển.

- Trong giai đoạn 2019-2023, đã thực hiện thả hơn 5.604.000 cá thể thủy sản có giá trị kinh tế, loài bản địa ở các thủy vực tự nhiên mặn, lợ, ngọt trên địa bàn tỉnh nhằm hướng đến phục hồi, tái tạo và sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn lợi thủy sản với kinh phí thực hiện là 2.982 triệu đồng.

¹⁹ Tại các xã Đức Phong, Đức Thắng huyện Mộ Đức; Tịnh An, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ TP Quảng Ngãi; Phường Phổ Quang, Phường Phổ Thạnh, Phường Phổ Vinh, Xã Phổ An, Xã Phổ Châu, Xã Phổ Khánh Thị xã Đức Phổ; các xã Bình Châu, Bình Đông, Bình Hải, Bình Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Thuận, Bình Trị huyện Bình Sơn.

2.1.13. Mục tiêu 14.4: Đến năm 2020, quản lý một cách hiệu quả hoạt động khai thác, chấm dứt việc khai hải sản quá mức, các hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp, không được báo cáo hoặc không theo quy định và những hoạt động khai thác hải sản mang tính hủy diệt; thực hiện các kế hoạch quản lý khoa học để phục hồi trữ lượng hải sản trong thời gian ngắn nhất có thể, tối thiểu là ở mức có thể đạt được sản lượng bền vững tối đa theo những đặc điểm sinh học của chúng

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và nghề cá thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi, điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và nghề cá thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi. Qua đó đã đánh giá được hiện trạng nguồn lợi thủy sản và nghề cá thương phẩm ở tỉnh Quảng Ngãi để làm cơ sở xác định khả năng khai thác cho phép và cường lực khai thác phù hợp của các đội tàu; cung cấp cơ sở khoa học cho việc cấp hạn ngạch giấy phép 05 năm/lần (giai đoạn 2024- 2029) và điều chỉnh sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác; đề xuất được các giải pháp bảo vệ nguồn lợi nhằm phục vụ công tác quản lý và phát triển nghề cá Quảng Ngãi lâu dài và bền vững trong thời gian đến

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong khai thác thủy sản; xây dựng chế tài quản lý phù hợp để định hướng khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản trên biển một cách bền vững. Đổi mới hoạt động các hợp tác xã và liên minh hợp tác xã nghề cá theo hướng thật sự vì lợi ích của ngư dân, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững, gắn kết cộng đồng, phát triển và ổn định xã hội vùng biển và hải đảo. Triển khai Kế hoạch hỗ trợ thành lập Tổ cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái rạn san hô Gành Yên và hệ sinh thái rừng ngập mặn Cóc Trắng - Bàu Cá Cái, huyện Bình Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 198/QĐ-SNNPTNT ngày 03/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Toàn tỉnh có 299 tổ đoàn kết, 10 nghiệp đoàn nghề cá, 15 chi hội nghề cá và 8 HTX nghề cá.

- Từng bước đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa các cảng cá, bến cá, các khu neo đậu tránh trú bão, các khu hậu cần dịch vụ nghề cá ven biển và trên các hải đảo.

2.1.14. Mục tiêu 14.5: Đến năm 2030, diện tích các khu bảo tồn biển và ven biển đạt 3-5% diện tích tự nhiên

- Thường xuyên thực hiện nhiệm vụ quan trắc đa dạng sinh học rạn san hô, nhiệm vụ quan trắc, đánh giá đa dạng sinh học hệ sinh thái thảm cỏ biển, đánh giá các loài rong kinh tế trong Khu bảo tồn biển Lý Sơn... triển khai thực hiện 04 nhiệm vụ nghiên cứu gồm: Quan trắc đa dạng sinh học rạn san hô Khu bảo tồn biển Lý Sơn (năm 2019, 2022); Quan trắc, đánh giá đa dạng sinh học thảm cỏ biển Khu bảo tồn biển Lý Sơn (năm 2021) và Nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững ốc Cù ở vùng biển Lý Sơn”.

- Thực hiện giám sát và phối hợp hỗ trợ Viện Hải Dương học thực hiện đề tài: “Nghiên cứu, đánh giá nguồn lợi sinh vật biển và xây dựng giải pháp khai

thác hợp lý, phát triển bền vững ở vùng biển huyện Lý Sơn (Quảng Ngãi) và lân cận”, tham gia thực hiện 02 mô hình: “Trồng phục hồi rong biển” và “Thả tái tạo sinh vật có giá trị kinh tế” trong Khu bảo tồn biển Lý Sơn (năm 2023).

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức phối hợp tuần tra, giám sát các hoạt động xâm hại đến khu bảo tồn biển và cụ thể hóa bằng các kế hoạch hằng quý, qua đó thường xuyên phối hợp với Ban Chỉ huy bảo vệ nguồn lợi thủy sản huyện Lý Sơn, Đoàn Biên phòng Lý Sơn, Trạm 2 Cảnh sát biển,... tổ chức tuần tra, kiểm soát trên biển nhằm ngăn chặn các trường hợp khai thác nguồn lợi thủy sản trái phép trong khu bảo tồn, cụ thể: Từ năm 2020 đến năm 2023 tổ chức hơn 3.000 lượt tuần tra trong đó hơn 135 lượt tuần tra trên biển. Kết quả đã phát hiện 355 phương tiện neo đậu, khai thác hải sản trái phép trong khu bảo tồn biển. Trong đó, đã lập hồ sơ chuyển cấp thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính 15 chủ phương tiện vi phạm với số tiền 42,5 triệu đồng.

2.1.15. Mục tiêu 15.2: Đến năm 2020, giảm cơ bản việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác; đến năm 2030, tăng cường thực hiện quản lý bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, đưa độ che phủ rừng trên 54,5%.

Thực hiện nghiêm chủ trương không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác (*trừ các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc các dự án phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội cần thiết do Thủ tướng quyết định*); ban hành Công văn số 573/SNNPTNT ngày 08/3/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đảm bảo đúng quy định. Đối với các công trình, dự án đã có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan giám sát chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện. Đến nay, tổng diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch là 138,3 ha.

- Rà soát, báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư²⁰; UBND tỉnh báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng²¹;

- Về Dự án nâng cao năng lực PCCC rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020: Đã tổ chức thực hiện mua sắm các trang thiết bị, máy móc, phương tiện tương đối đầy đủ.

- Về công tác giao rừng: Tổng diện tích rừng thuộc đối tượng giao, cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuê; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng là 119.727,11 ha. Trong đó: Giao rừng cho tổ chức

²⁰ Báo cáo số 319-BC/TU ngày 06/4/2023 của Tỉnh Ủy;

²¹ Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 25/3/2023 của UBND tỉnh;

102.425,73 ha²²; Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ*) 17.285,22 ha; cho tổ chức thuê rừng 16,16 ha. Chưa giao rừng (*hiện UBND cấp xã quản lý*) chủ yếu là rừng phục hồi chưa có trữ lượng quy hoạch sản xuất, diện tích manh mún, nhỏ lẻ chưa thu hút được đối tượng nhận rừng: 2.746,97 ha.

- Về tăng cường củng cố lực lượng Kiểm lâm bảo vệ rừng: Để tinh gọn bộ máy và tăng năng lực hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tỉnh đã sắp xếp lại Chi cục Kiểm lâm²³ trên cơ sở hợp nhất phòng Hành chính tổng hợp với phòng Tổ chức và Xây dựng lực lượng thành phòng Tổ chức - Hành chính và Xây dựng lực lượng; phòng Thanh tra, Pháp chế thành phòng Thanh tra, Pháp chế và Tuyên truyền. Chi cục Kiểm lâm kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo Kiểm lâm các cấp, bố trí Kiểm lâm phụ trách địa bàn phù hợp, đủ trình độ, năng lực để thực thi nhiệm vụ; thường xuyên phối hợp với Chi cục Kiểm lâm vùng IV, Cục Kiểm lâm, Trường Cán bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II, Công an tỉnh, Sở Tư pháp,... đào tạo, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ cho lực lượng Kiểm lâm, nhất là Kiểm lâm địa bàn, đây là lực lượng nòng cốt trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng ở cơ sở.

Tuy nhiên, Kiểm lâm tỉnh còn quá mỏng so với diện tích rừng cần quản lý, bảo vệ (*hiện có 333.049,84 ha*). Biên chế hiện có 149 người (*công chức: 83, viên chức: 66*), trung bình 01 biên chế Kiểm lâm phải quản lý trên 2.200 ha rừng, với địa hình chia cắt, phức tạp, hiểm trở nên gặp rất khó khăn. Mặt khác, do đặc thù Kiểm lâm Quảng Ngãi viên chức Kiểm lâm chiếm gần ½ lực lượng, trong quá trình thực thi nhiệm vụ một số quyền của viên chức kiểm lâm bị hạn chế, không được hưởng các chế độ chính sách theo quy định (*như: Phụ cấp công vụ, thâm niên nghề*) trong khi nhiệm vụ và điều kiện làm việc như nhau.

- Về công tác tuyên truyền: Quán triệt, phổ biến và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 13- CT/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 13- CT/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ở địa phương, đơn vị; đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức 2.822 hội nghị các cấp, có 106.447 lượt người tham dự; 990 lớp tập huấn, 28.983 lượt người tham gia; 70 bài viết; tuyên truyền trên truyền hình 45 số; xây dựng 24 phóng sự truyền hình; tổ chức 01 buổi tọa đàm, có 80 người tham dự; tuyên truyền lưu động 1.263 đợt; in ấn hàng nghìn tờ rơi, áp phích tuyên truyền và thường xuyên phát thanh ở xã, phường, thị trấn.

2.1.16. Mục tiêu 15.3: Đến năm 2030, tăng cường khôi phục đất thoái hóa, bao gồm đất bị ảnh hưởng bởi hạn hán, lũ lụt và do các nguyên nhân khác.

- Triển khai thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ tài

²² Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 96.158,45 ha; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô: 6.047,11 ha; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 185,93 ha; Tổ chức Khoa học công nghệ đào tạo: 34,24 ha.

²³ Quyết định 717/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi;

nguyên đất, cụ thể: Trong năm 2023, đã thực hiện rà soát đối với 101 phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước của các dự án, diện tích đất lúa chuyển đổi là 285,5ha, khối lượng tầng đất mặt 740.018 m³.

- Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp canh tác, sử dụng đất bền vững trong nông nghiệp, hạn chế sử dụng hóa chất, phân bón vô cơ trong sản xuất nông nghiệp, chống xói mòn, rửa trôi, suy thoái đất: Tham mưu ban hành Công văn số 953/UBND-KTN ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện việc sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối, hiệu quả. Qua đó chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hướng dẫn nông dân áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như chương trình “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, sản xuất rau an toàn... vào sản xuất, khuyến cáo nông dân tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ (phân chuồng); hạn chế phân bón vô cơ.

2.1.17. Mục tiêu 15.4: Đến năm 2030, đảm bảo bảo tồn các hệ sinh thái rừng có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế, bao gồm cả tính đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái, phục vụ cho phát triển bền vững

UBND tỉnh cho chủ trương thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; đến năm 2030 thành lập Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng (Cà Đam).

- Về đẩy mạnh hoạt động quản lý bảo vệ rừng: Tổng số vụ vi phạm Luật lâm nghiệp giai đoạn 2017-2023 trên địa bàn tỉnh 1.597 vụ, trong đó: xử lý hành chính 1.424 vụ; khởi tố hình sự 38 vụ 42 bị can²⁴, đã xét xử 36 vụ 42 bị cáo²⁵; lâm sản tịch thu 1.517,95 m³ gỗ các loại; số tiền thu nộp ngân sách: 12.687.447.614 đồng. Ứng dụng công nghệ hiện đại hoá nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh...

- Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng: Chủ yếu thu từ sản xuất thủy điện, nước sạch và nước công nghiệp; tổng số tiền thu được giai đoạn 2017-2022 là 68,71 tỷ đồng.

Đối với từng mục tiêu cụ thể mà tỉnh thực hiện theo Kế hoạch hành động quốc gia: (1) Báo cáo kết quả thực hiện tính đến hết năm 2023; và (2) Đánh giá mức độ hoàn thành bằng định tính và định lượng²⁶.

2.2. Các tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến thời vụ và sinh trưởng phát triển cây trồng; giá cả không ổn định nên việc tìm đầu ra cho nông sản còn gặp khó khăn, dẫn đến sự lựa chọn cây trồng còn lúng túng, thiếu định hướng cụ thể, chưa xác định được lợi thế của từng địa phương để lựa chọn phát triển đối tượng cây trồng chủ lực.

²⁴ Sơn Tây 15 vụ 15 bị can, Sơn Hà 12 vụ 16 bị can, Ba Tơ 10 vụ 10 bị can, Nghĩa Hành 01 vụ 01 bị can.

²⁵ Sơn Tây 13 vụ 14 bị cáo, Sơn Hà 11 vụ 16 bị cáo, Ba Tơ 10 vụ 10 bị cáo, Nghĩa Hành 01 vụ 01 bị cáo.

²⁶ Đối chiếu với: (i) Kế hoạch hành động và lộ trình mà tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng để thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia tại Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 09/4/2018; (ii) Kế hoạch hành động quốc gia và lộ trình thực hiện đã được phê duyệt; và (iii) Các mục tiêu toàn cầu tương ứng và lộ trình thực hiện theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc.

- Diện tích sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, gây khó khăn cho việc sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa cũng như áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Việc lãnh đạo của các cấp ủy đảng và quản lý, điều hành của chính quyền địa phương chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; áp dụng pháp luật trong thực hiện các dự án về phát triển lâm nghiệp chưa đầy đủ nên có việc còn lúng túng, còn sai sót. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và người đứng đầu chưa làm hết trách nhiệm, thiếu kiên quyết, thậm chí còn né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, ngại va chạm, ngại đổi mới.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư triển khai các chương trình, dự án bảo vệ, phát triển rừng và phát triển sản xuất lâm nghiệp còn rất thấp so với nhu cầu. Cơ sở vật chất cho công tác bảo vệ rừng, PCCC, hoạt động theo dõi diễn biến rừng chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Giá thành sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao cao hơn 2-3 lần so với các sản phẩm nông nghiệp thông thường. Tuy nhiên, người tiêu dùng không phân biệt được sự khác nhau giữa các sản phẩm, điều đó dẫn đến gây nhiều khó khăn cho đầu ra của sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ.

III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Sớm trình phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ về lâm nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đạt chứng nhận tín chỉ cacbon theo tiêu chuẩn quốc tế để có thể bán ra thị trường thế giới. Chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với hấp thụ Cacbon. Phát triển kinh tế lâm nghiệp dưới tán rừng;

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Chi cục thuộc Sở;
- Các Trung tâm: Giống, Khuyến nông, Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;
 - Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn.
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC^{Thâm}.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương